

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK R'LẤP
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01 /2024/HNGĐ-ST
Ngày 26-01-2024
“V/v không công nhận quan hệ vợ
chồng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK R'LẤP, TỈNH ĐẮK NÔNG**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Đình Quy

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Lợi

2. Ông Nguyễn Như Tạ.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Văn Chính - Thư ký Toà án nhân dân huyện Đắc R'Lấp, tỉnh Đắc Nông.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đắc R'Lấp tham gia phiên toà:
Ông Phan Xuân Hoàng - Kiểm Sát viên.

Ngày 26/01/2024, tại phòng xử án, Trụ sở Toà án nhân dân huyện Đắc R'Lấp, tỉnh Đắc Nông mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 253/2023/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2023 về việc “*Không công nhận quan hệ vợ chồng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 12-01-2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắc Nông - có đơn xin vắng mặt.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn S, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắc Nông - có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Văn S sống chung với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn từ năm 1995 đến nay, thời gian đầu cuộc sống hôn nhân hạnh phúc, thời gian gần đây phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do không hợp nhau, không cùng quan điểm sống dẫn đến không thông cảm cho nhau. Giữa chị L và anh S hiện tại không còn sống chung với nhau từ tháng 6/2023 đến nay. Nay chị L đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ là vợ chồng với anh S.

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Văn S có 02 con chung là Nguyễn Trung T, sinh ngày 05/8/1996 và Nguyễn Thành C, sinh ngày 06/4/2001. Do các con chung đã đủ tuổi trưởng thành là 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Do các con chung đã đủ tuổi trưởng thành là 18

tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Văn S tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Văn S không nợ ai và không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Án phí: Chị Nguyễn Thị L tự nguyện nộp toàn bộ án phí theo quy định pháp luật.

Theo bị đơn anh Nguyễn Văn S trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn S và chị Nguyễn Thị L sống chung với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn từ năm 1995 đến nay, thời gian đầu cuộc sống hôn nhân hạnh phúc, thời gian gần đây phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do không hợp nhau, không cùng quan điểm sống dẫn đến không thông cảm cho nhau. Giữa chị L và anh S hiện tại không còn sống chung với nhau từ tháng 6/2023 đến nay. Nay chị L đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ là vợ chồng với anh S thì anh S đồng ý.

- Về con chung: Anh Nguyễn Văn S và chị Nguyễn Thị L có 02 con chung là Nguyễn Trung T, sinh ngày 05/8/1996 và Nguyễn Thành C, sinh ngày 06/4/2001. Do các con chung đã đủ tuổi trưởng thành là 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Do các con chung đã đủ tuổi trưởng thành là 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Anh Nguyễn Văn S và chị Nguyễn Thị L tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Anh Nguyễn Văn S và chị Nguyễn Thị L không nợ ai và không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị L tự nguyện nộp toàn bộ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thì anh Nguyễn Văn S đồng ý.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị L và bị đơn anh Nguyễn Văn S đã Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Chị L và anh S đã có lời khai đầy đủ trong quá trình giải quyết được lưu trong hồ sơ vụ án, việc vắng mặt không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt tất cả các đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân huyện Đ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là tuân thủ đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật.

Về quan điểm yêu cầu giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 7 Điều 28; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các điều 14, 53, của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị L.

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Văn S là vợ chồng.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Do 02 con chung là Nguyễn Trung T, sinh ngày 05/8/1996 và Nguyễn Thành C, sinh ngày 06/4/2001 đã đủ tuổi trưởng thành là 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh Nguyễn Văn S và chị Nguyễn Thị L tự thỏa thuận và không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Nguyễn Thị L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng với anh Nguyễn Văn S. Anh S có nơi cư trú tại thôn T, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Như vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp là “Không công nhận quan hệ vợ chồng” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đắk R’Lấp theo quy định tại khoản 7 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L với anh Nguyễn Văn S sống chung với nhau từ năm 1995 cho đến nay không có đăng ký kết hôn tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Trong thời gian chung sống giữa chị L và anh S thường phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm nguyên nhân là do tính tình không hợp, thường xảy ra cãi nhau, không có sự tôn trọng nhau, chị L với anh S đã sống ly thân từ tháng 6/2023 đến nay. Chị L khởi kiện yêu cầu Tòa án không công nhận chị L với anh S là vợ chồng.

Xét yêu cầu của chị Nguyễn Thị L, Hội đồng xét xử nhận định: Mặc dù sống với nhau kể từ năm 1995 cho đến nay, chị L và anh S có đủ điều kiện đăng ký kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định tại điểm b mục 3 Nghị Quyết số: 35/2000/QH10 ngày 09-6-2000 của Quốc Hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và Gia đình, cụ thể: “Nam nữ sống chung với nhau như vợ chồng từ ngày 03-01-1987 đến ngày 01-01-2001, mà có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật thì có nghĩa vụ đăng ký kết hôn trong thời hạn hai năm kể từ ngày 01-01-2001 đến ngày 01-01-2003. Từ sau ngày 01-01-2003 mà họ không đi đăng ký kết hôn thì pháp luật không công nhận họ là vợ chồng”.

Tại khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định *“Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định khoản 1 Điều 14 của Luật này; nếu có yêu cầu về con và tài sản thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của luật này”*.

Như vậy, yêu cầu của chị Nguyễn Thị L là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án, anh Nguyễn Văn S cũng đồng ý theo yêu cầu của chị Nguyễn Thị L nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

[3] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Do 02 con chung là Nguyễn Trung

T, sinh ngày 05/8/1996 và Nguyễn Thành C, sinh ngày 06/4/2001 đã đủ tuổi trưởng thành là 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị L với anh Nguyễn Văn S không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

[5]. Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị L với anh Nguyễn Văn S không nợ ai, không cho ai vay nợ và không yêu cầu nên Tòa án không đề cập giải quyết.

[6]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị L với anh Nguyễn Văn S thỏa thuận, chị L nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo Bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; của của Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng các điều 14, 15, 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị L với bị đơn anh Nguyễn Văn S.

2.1 Về quan hệ hôn: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị L với anh Nguyễn Văn S.

2.2: Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Do 02 con chung là Nguyễn Trung T, sinh ngày 05/8/1996 và Nguyễn Thành C, sinh ngày 06/4/2001 đã đủ tuổi trưởng thành là 18 tuổi và không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

2.3. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị L với anh Nguyễn Văn S không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

2.4. Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị L với anh Nguyễn Văn S không nợ ai, không cho ai vay nợ và không yêu cầu nên Tòa án không đề cập giải quyết.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải nộp 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm, được khấu trừ số tiền 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001096 ngày 04 tháng 12 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk R'Lấp;
- Chi cục THADS huyện Đắk R'Lấp;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

đã ký

Nguyễn Đình Quy